

Bản án số: 86/2026/HS-ST
Ngày 29/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Cảnh;

Ông Nguyễn Văn Sự.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Long Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh được phân công tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị N - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Văn L**, sinh ngày 28/4/2001 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ B, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L1 và bà Nguyễn Thị L2; bị cáo chưa có vợ;

Tiền án: Ngày 13/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số 02/2019/HSST). Ngày 24/3/2021, chấp hành xong án phạt tù. Ngày 07/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” (Bản án số 41/2023/HSST). Ngày 06/12/2023, chấp hành xong án hình phạt tù.

Tiền sự: Ngày 10/11/2025, Công an xã T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt ngày 17/12/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2025 đến ngày 22/5/2026 tại Trại tạm giam C - Công an Thành phố H, bị cáo được điều chuyển về Trại tạm giam Bồ Lá - Cơ sở 3 theo Quyết định số

450/QĐ-CQQLTGTG ngày 22/5/2026 của Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam - Công an Thành phố H để tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đào Xuân T**, sinh ngày 17/10/1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Tổ C, ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân K và bà Thái Thị N1; bị cáo có vợ tên Ngô Thị L3; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số 68/2013/HSST). Ngày 31/8/2015, chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2025 đến ngày 22/5/2026 tại Trại tạm giam C - Công an Thành phố H, bị cáo được điều chuyển về Trại tạm giam Bồ Lá - Cơ sở 3 theo Quyết định số 450/QĐ-CQQLTGTG ngày 22/5/2026 của Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam - Công an Thành phố H để tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Đức D**, sinh ngày 24/01/1991 tại Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh H (chết) và bà Trần Thị H1; bị cáo có vợ tên Ngụy Thanh D1; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2025 đến ngày 18/9/2025, sau đó bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 08/9/2025, Công an xã T, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính phòng trọ số A, khu N, địa chỉ tại ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện trong lòng máy giặt để trong buồng vệ sinh 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm, trong ổ đạn có 06 viên đạn cỡ 5,6 mm; 01 khẩu súng dạng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm, trong ổ đạn không có đạn và 19 viên đạn các loại, đạn cỡ 5,6 mm nên cơ quan Công an đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trương Văn L thu giữ cùng vật chứng để điều tra. Quá trình điều tra xác định, bị cáo Đào Xuân T và Trần Đức DĐuân có liên quan đến hành vi phạm tội của Trương Văn L, thu giữ được 01 vỏ đạn tại khu vườn gần nhà anh Đỗ Ngọc Q (do D ném ra sau khi sử dụng súng), nên ngày 09/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đào Xuân T và Trần Đức DĐuân, để điều tra.

Vật chứng là súng và đạn thu giữ của Trương Văn L đã trưng cầu giám định, theo Kết luận giám định số 5115/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H xác định: “01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6 mm có tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng; 25 viên đạn các loại là đạn cỡ 5,6 mm, thuộc vũ khí quân dụng; 01 khẩu súng dạng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 09 mm, không bắn được đạn nổ, không thuộc danh mục vũ khí, công cụ hỗ trợ”.

Vật chứng là 01 vỏ đạn thu giữ của Trần Đức DĐuân đã trưng cầu giám định, theo bản Kết luận giám định số 5408/KL-KTHS ngày 17/9/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H xác định: “Vỏ đạn của loại đạn cỡ 5,6 mm, cùng loại đạn 25 viên đạn gửi giám định sử dụng được cho khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6 mm đã gửi giám định”.

Kết quả điều tra xác định tháng 4/2025, Trương Văn L sử dụng tài khoản Messenger tên “Trương Văn L” liên lạc với người sử dụng tài khoản tên “Cao tăng” (không rõ lai lịch) đặt mua 01 khẩu súng bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm và 06 viên đạn cỡ 5,6 mm giá 8.000.000 đồng, giao dịch tại khu vực gần Khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, Lưu mua thêm 20 viên đạn của người sử dụng tài khoản Messenger tên “Cao tăng” giá 1.000.000 đồng. Sau đó, L cất giấu súng và đạn tại chỗ ở của L, địa chỉ tại tổ B, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ). Đến tháng 8/2025 (không nhớ ngày), Lưu mang theo khẩu súng ổ quay bằng kim loại và 04 viên đạn đến nhà Đào Xuân T tại địa chỉ tại tổ C, ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh chơi, L đưa khẩu súng ổ quay bằng kim loại và 04 viên đạn cho T cất giữ. Sau đó, T mang theo khẩu súng ổ quay bằng kim loại đã lắp 04 viên đạn trong ổ quay, đi đến nhà người quen là anh Đỗ Ngọc Q tại ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh chơi, thì gặp Trần Đức DĐuân (bạn của Q). T để khẩu súng ổ quay bằng kim loại trên ghế, nên D cầm súng lên xem và xin T cho bắn thử, T chưa trả lời, thì D đã lấy súng và đạn đi ra khu vực vườn trồng cây cao su trước nhà của anh Q, bắn chỉ thiên 01 phát, rồi cầm khẩu súng đi vào nhà, để lên bàn. T cầm khẩu súng tháo ổ đạn, nhưng không lấy được vỏ đạn ra, nên D dùng tay lấy vỏ đạn trong ổ xoay ra, rồi ném vỏ đạn về phía vườn trồng cao su (đã thu giữ). T lấy lại 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại cất vào túi quần. Lúc này, D nói cho T biết D cũng có 01 khẩu súng, nhưng chỉ bắn được đạn bi và nhờ Tiến độ chế thành súng bắn đạn nổ. Do T nói sẽ tìm người độ chế súng cho D, nên D đi về nhà tại khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) gần nhà của Q, lấy 01 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm (trong ổ đạn của súng không có đạn) đưa cho T. T đưa 02 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại (01 khẩu súng của L và 01 khẩu súng của D) về cất giấu trong phòng ngủ của T tại tổ C, ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu. Sau đó, T trả lại cho L 01 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại và 03 viên đạn, thì L hỏi tại sao thiếu 01 viên đạn, nên T nói cho L biết là D đã sử dụng súng bắn 01 viên đạn. Cùng lúc

này D cũng đến nhà T chơi. Do L đồng ý sẽ chế súng của D bắn được đạn nổ, nên T đưa khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm của D cho L. L đưa 02 khẩu súng và 25 viên đạn về phòng trọ A2.17 nhà trọ Ngọc Ánh 2, địa chỉ tại ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh của chị Hà Thị D2 (bạn gái của L), cất giấu trong lồng máy giặt đã bị hỏng để trong nhà vệ sinh (chị D2 không biết L cất giấu súng và đạn tại đây), đến ngày 08/9/2025, thì bị phát hiện thu giữ như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6 mm (là vũ khí quân dụng); 01 khẩu súng đạn ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm (là súng không thuộc danh mục vũ khí quân dụng) và 25 viên đạn các loại là đạn cỡ 5,6 mm (thuộc vũ khí quân dụng). Cơ quan An ninh điều tra đã nhập Kho vũ khí, Phòng Kỹ thuật Bộ Tư Lệnh Thành phố H, để quản lý theo quy định;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen (thu giữ của Đào Xuân T), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen (thu giữ của Trương Văn L) và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xám (thu giữ của Trần Đức DĐuân). Cơ quan An ninh điều tra đã nhập vào Kho vật chứng Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố H, để quản lý theo quy định.

Cáo trạng số 712/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trương Văn L về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; truy tố bị cáo Đào Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; truy tố bị cáo Trần Đức D về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm h khoản 2 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Trương Văn L từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Về hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 304 của Bộ luật Hình sự phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Đào Xuân T từ 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Trần Đức D từ 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Về việc xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6 mm (là vũ khí quân dụng) và 25 viên đạn các loại là đạn cỡ 5,6 mm (thuộc vũ khí quân dụng) giao cho Bộ Tư Lệnh Thành phố H xử lý theo quy định.

- Đối với 01 (một) khẩu súng dạng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm (là súng không thuộc danh mục vũ khí quân dụng) đã được Công an xã T, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo Quyết định xử lý hành chính nên không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen thu giữ của Đào Xuân T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo Đào Xuân T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen thu giữ của Trương Văn L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo Trương Văn L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xám thu giữ của Trần Đức DĐuân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo Trần Đức D.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Trương Văn L cho rằng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về hình phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, vì hiện tại bị cáo có hoàn cảnh khó khăn không có khả năng thi hành.

Bị cáo Đào Xuân T cho rằng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Bị cáo Trần Đức D cho rằng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, do hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T, Trần Đức D xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T, Trần Đức D đã khai nhận: Khoảng tháng 4/2025, bị cáo Trương Văn L sử dụng tài khoản Messenger tên “Trương Văn L” liên lạc với người sử dụng tài khoản tên “Cao tăng” (không rõ nhân thân lai lịch) đặt mua 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm và 25 viên đạn, là vũ khí quân dụng để mưu sát. Khoảng tháng 8/2025, do cần tiền tiêu xài Trương Văn L mang khẩu súng trên đến bán cho Đào Xuân T tại nhà của T ở tổ C, ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh và đưa cho T cất giữ. Sau đó, T mang theo khẩu súng ổ quay bằng kim loại đã lắp 04 viên đạn trong ổ quay, đi đến nhà Đỗ Ngọc Q tại ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh chơi, thì gặp Trần Đức D. T để khẩu súng ổ quay bằng kim loại trên ghế nên D cầm súng lên xem và xin T cho bắn thử, T chưa trả lời, thì D đã lấy súng và đạn đi ra khu vực vườn trồng cây cao su trước nhà của Q, bắn chỉ thiên 01 phát, rồi cầm khẩu súng đi vào nhà, để lên bàn. T cầm khẩu súng tháo ổ đạn, nhưng không lấy được vỏ đạn ra, nên D dùng tay lấy vỏ đạn trong ổ xoay ra, rồi ném vỏ đạn về phía vườn trồng cao su (đã thu giữ). T lấy lại khẩu súng ổ quay bằng kim loại cất vào túi quần. Lúc này, D nói cho T biết D cũng có 01 khẩu súng, nhưng chỉ bắn được đạn bi và nhờ Tiến độ chế thành súng bắn đạn nổ. Do T nói sẽ tìm người độ chế súng cho D, nên D đi về nhà tại khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) lấy 01 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm (trong ổ đạn của súng không có đạn) đưa cho T. T cầm 02 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại về cất giấu trong phòng ngủ của T tại tổ C, ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu và ngày hôm sau T đưa lại cho L 02 khẩu súng trên. Đến ngày 08/9/2025, bị phát hiện thu giữ 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm, 01 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm và 25 viên đạn. Hành vi của các bị cáo Trương Văn L và Đào Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại Điều 304 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Đức D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại Điều 304 của Bộ luật Hình sự. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Theo Kết luận giám định số 5115/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H xác định: “01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6 mm có tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng; 25 viên đạn các loại là đạn cỡ 5,6 mm, thuộc vũ khí quân dụng; 01 khẩu súng dạng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 09 mm, không bắn được đạn nổ, không thuộc danh mục vũ khí, công cụ hỗ trợ”. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận, các bị cáo Trương Văn L và Đào Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo Điều 304 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Văn L phạm tội thuộc tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đào Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đức D phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự. Về nhận thức, các bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T biết việc tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; bị cáo Trần Đức D biết việc sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Như vậy, Cáo trạng số 712/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trương Văn L về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đào Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Đức D về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng. Gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T, Trần Đức D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T và Trần Đức D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Trần Đức D là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử

xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo D.

[6] Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Trương Văn L là người tìm mua vũ khí và cùng Đào Xuân T tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, bị cáo Trần Đức D là người trực tiếp sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T và Trần Đức D về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử không chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát do bị cáo Trương Văn L chưa thu lợi từ hành vi phạm tội và hiện tại bị cáo L có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[8] Về việc xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 5,7 mm là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6 mm (là vũ khí quân dụng) và 25 viên đạn các loại là đạn cỡ 5,6 mm (thuộc vũ khí quân dụng) giao cho Bộ Tư Lệnh Thành phố H xử lý theo quy định. Đối với 01 (một) khẩu súng dạng ổ quay bằng kim loại, đường kính buồng đạn 09 mm (là súng không thuộc danh mục vũ khí quân dụng) đã được Công an xã T, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý kèm theo Quyết định xử lý hành chính nên không đặt ra xem xét. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen thu giữ của Đào Xuân T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đào Xuân T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen thu giữ của Trương Văn L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Trương Văn L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xám thu giữ của Trần Đức D, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Trần Đức D.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 304, điểm h khoản 2 Điều 304; Điều 38; Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; tuyên bố bị cáo Trần Đức D phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025: Xử phạt bị cáo Trương Văn L 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025: Xử phạt bị cáo Đào Xuân T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025: Xử phạt bị cáo Trần Đức D 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2025 đến ngày 18/9/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, dài khoảng 13cm; 25 (hai mươi lăm) viên đạn có cùng ký hiệu “S&B” và 01 (một) vỏ đạn có ký hiệu “S&B” giao cho Bộ Tư Lệnh Thành phố H xử lý theo quy định.

(Thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại Kho Vũ khí-đạn 1/Phòng Hậu cần - K Thành phố Hồ Chí Minh)

- Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen (imei1: 865790062653373, imei2: 865790062653365, ký hiệu A3) cho bị cáo Đào Xuân T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen (imei1: 353834105050897, imei 2: 353834105236694, ký hiệu A1) cho bị cáo Trương Văn L; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu xám (imei1: 353841102540101, imei2: 353841102452331, ký hiệu A2) cho bị cáo Trần Đức DĐuân.

(Thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh)

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc: Bị cáo Trương Văn L, Đào Xuân T, Trần

Đức D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (2)
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng PV06 Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay thông báo); (3)
- Bị cáo; (3)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Quế